

SỐ LIỆU THÔNG KÊ SƠ BỘ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐSVH NĂM 2022

S T T	Tên đơn vị	Hộ gia đình văn hoá				Hộ DTTS			Thôn, buôn, bon văn hoá				Xã, thị trấn văn hoá			
		Tổng số	Đăng ký	Công nhận	Tỷ lệ %	Tổng số	Đăng ký	Công nhận	Tổng số	Đăng ký	Công nhận	Tỷ lệ %	Tổng số	Đăng ký	Công nhận	Ghi chú
1	Buôn Choah	595	564	554	93,1	390	369	354	5	5	5	100				
2	Đắk Drô	2259	2059	1998	88,4	667	559	536	8	8	8	100		x		
3	Đắk Sôr	1118	1100	1008	90,2	388	381	333	7	7	7	100		x	x	
4	Tân Thành	924	892	850	92,0	453	432	420	6	6	6	100		x	x	
5	Quảng Phú	1502	1497	1413	94,1	640	640	610	8	8	7	88		x	x	thôn Phú Vinh k đạt
6	Đức Xuyên	910	900	843	92,6	55	50	47	7	6	6	86				Bon Choih k đạt
7	Nâm N'Dir	2109	1964	1950	92,5	1251	1161	1161	8	8	8	100		x		
8	TT.Đắk Mâm	1811	1749	1709	94,4	307	302	297	9	9	9	100		x	x	
9	Nam Đà	2883	2841	2780	96,4	207	207	207	14	14	14	100		x	x	
10	Đắk Nang	943	937	881	93,4	378	377	370	6	6	5	83				Phú Thịnh
11	Nam Xuân	1635	1619	1505	92,0	1229	1229	1048	9	9	9	100		x	x	
12	Nâm Nung	1852	1731	1570	84,8	795	712	625	6	6	6	100				
	Tổng cộng	18541	17853	17061	92,0	6419	6008	6008	93	92	90	97	12	8	6	

|